

KHỦNG HOẢNG KINH TẾ THẾ GIỚI và VẤN ĐỀ LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM

ThS. Vũ Hoài Nam^(*)

1 **Khủng hoảng kinh tế trên thế giới**
Từ cuối thế kỷ XX, đặc biệt là sang đầu thế kỷ XXI, với cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu nhảy vọt trên các lĩnh vực đời sống xã hội. Thế giới đã trở nên “phẳng” hơn khi các quốc gia tiến hành hội nhập kinh tế quốc tế cùng với quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Trong nền kinh tế toàn cầu hóa, các công ty độc quyền xuyên quốc gia là lực lượng thao túng thị trường thế giới. Hiện nay, khoảng 200 công ty xuyên quốc gia đang nắm giữ 1/3 GDP của thế giới, thu hút 70% vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI),

2/3 mậu dịch quốc tế và trên 70% chuyển nhượng kỹ thuật của thế giới⁽¹⁾.

Thực tế trên đây chỉ ra hai thuộc tính cơ bản của toàn cầu hóa kinh tế. Một mặt, nó thể hiện tính tiên tiến của lực lượng sản xuất TBCN: thúc đẩy sự phân công lao động và hợp tác quốc tế để phát triển nền sản xuất xã hội, thúc đẩy sự phụ thuộc lẫn nhau giữa nền kinh tế các nước. Mặt khác, nó thể hiện bản chất của CNTB độc quyền xuyên quốc gia: luôn tìm cách mở rộng tư bản ra bên ngoài để tăng cường bóc lột và truyền bá các quan điểm, giá trị của phương thức sản xuất TBCN.

Sự phát triển của khoa học - công nghệ, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới đã buộc CNTB độc quyền, xuyên quốc gia phải thích nghi bằng cách tổ chức ra các thị trường khu vực, thị trường thế giới, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng Thế giới (WB) để giải quyết các mối quan hệ kinh tế và nhất là để thao túng thị trường thế giới. Sự ra đời của những tổ chức này, mặc dù đưa lại thời cơ

^(*) Học viện Chính trị – Hành chính khu vực III, Học viện CT-HCQG Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ Nguồn: www.tapchicongsan.org.vn, GS. Trung tướng Lê Xuân Lưu, *Sự thích nghi của CNTB hiện đại và thời cơ, thách thức đối với cách mạng Việt Nam*, số 13 (133), năm 2007

phát triển kinh tế cho các nước kém phát triển, nhưng mục đích chính của nó là để tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển của CNTB, hay nói cách khác, để CNTB chi phối nền kinh tế thế giới. Đây chính là bản chất của thị trường thế giới.

Tuy nhiên, theo quy luật, CNTB dù có tìm cách thích nghi với tình hình mới như thế nào chăng nữa, cũng không thể tránh khỏi chu kỳ khủng hoảng kinh tế mà nó sẽ gặp phải. Khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay có thể được nhìn nhận là một dạng đổ vỡ của các *hiện tượng kinh tế bong bóng* ở những nền kinh tế chủ chốt trên thế giới (bắt đầu từ Mỹ). Hiện tượng này xảy ra chủ yếu do các nguyên nhân cơ bản: (1) Sự đổ vỡ của các thị trường tiền tệ; (2) Sự bất cập của các thể chế tài chính quốc gia trước sự vận động của đời sống kinh tế đang diễn ra; (3) Bản thân nền kinh tế có nhiều yếu tố của khủng hoảng thừa mang thuộc tính cơ cấu. Thực chất của cuộc khủng hoảng kinh tế hiện nay có tính hệ thống rất sâu sắc trên cả hai phương diện: bản thân cấu trúc kinh tế có những mất cân đối lớn và sự phá sản của tư duy kinh tế do chủ nghĩa tân tự do chi phối⁽¹⁾. Chính vì vậy, khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay đang đặt ra nhiều **vấn đề đáng lưu ý** cho các quốc gia:

Thứ nhất, vì đòi hỏi phải thay đổi cả cấu trúc và tư duy, nên cuộc khủng hoảng hiện nay của kinh tế thế giới mang tính chất là cuộc khủng hoảng chuyển giai đoạn phát triển (transformational crisis). Do đó, các quốc gia sẽ không thể giữ nguyên cách điều hành nền kinh tế như lâu nay (kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc) và sẽ xuất hiện những điều chỉnh vĩ mô tại nhiều quốc gia, theo hướng quan tâm hơn nữa đến sự bền vững của thị trường nội địa và môi trường.

Mặt khác, hệ thống tài chính tiền tệ thế giới có những xáo trộn lớn, buộc phải cải tổ cơ bản để hạn chế những rủi ro, đặc biệt là sự suy yếu ngày càng nhanh chóng của đồng USD và vai trò đang nổi lên của đồng nhân dân tệ (Trung Quốc).

Do vậy, các nước đang đề ra hàng loạt giải pháp tối ưu, trong đó giải pháp đầu tiên là tăng cường hơn nữa vai trò điều tiết của nhà nước, tức vai trò của “bàn tay hữu hình” để hỗ trợ điều chỉnh “bàn tay vô hình” của thị trường.

Thứ hai, phải sớm có các chính sách và biện pháp thân thiện hơn với môi trường thiên nhiên để giảm thiểu các đại họa mà con người phải đối mặt với những thiên tai ngày càng khốc liệt và trầm trọng hơn, cụ thể là: nguy cơ hạn hán, lũ lụt, động đất, sóng thần, các trận siêu bão, vấn đề băng tan, sự suy thoái môi trường đất và môi trường nước, đa dạng sinh học... Chính vì vậy, nhiều nước đã hướng mạnh tới nền kinh tế có hàm lượng carbon thấp, điều chỉnh định hướng phát triển kinh tế bền vững gắn với bảo vệ môi trường thiên nhiên.

Thứ ba, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay còn cho thấy những mặt trái và những vấn đề do quá trình toàn cầu hóa đặt ra, nhất là những vấn đề kinh tế mà mọi quốc gia đều phải đối mặt. Có thể nói, cuộc khủng hoảng này đánh dấu một giai đoạn mới của quá trình toàn cầu hóa với hai đặc điểm: bảo hộ có xu hướng gia tăng và cạnh tranh thâm nhập vào nhau sẽ quyết liệt hơn.

Thực tế cũng cho thấy, kinh tế toàn cầu đang ở trong một giai đoạn nguy hiểm mới, hoạt động kinh tế toàn cầu đã kém đi, không đồng đều và gần đây, niềm tin giảm mạnh, những rủi ro xấu tăng lên. Trong bối cảnh yếu kém về cơ cấu chưa được xử lý, một loạt các cú sốc sẽ dội vào nền kinh tế quốc tế trong những năm tới. Cụ thể, Nhật Bản đang vật lộn với việc khắc phục hậu quả của

⁽¹⁾ Nguyễn Trung, *Việt Nam trong thế giới của thập kỷ thứ hai thế kỷ XXI*, Tạp chí Thời đại mới, số 18, tháng 3/2010

trận động đất và sóng thần xảy ra hồi tháng 3/2011; sự bất ổn của một số nước sản xuất dầu mỏ. Tại nền kinh tế Mỹ, sự chuyển giao nhu cầu giữa khu vực công sang khu vực tư nhân đã bị dừng lại. Khu vực đồng euro đối mặt với sự hoảng loạn tài chính lớn, các thị trường toàn cầu đang phải hứng chịu hệ lụy từ việc bán ồ ạt các tài sản đầy rủi ro, hiện đã có dấu hiệu lan tỏa tới nền kinh tế thực. Mọi vấn đề mà các nền kinh tế đang đối mặt đều khó giải quyết hơn so với dự đoán⁽¹⁾.

Từ những vấn đề khủng hoảng của nền kinh tế thế giới, có thể nhận thấy tình trạng lạm phát đang diễn biến hết sức phức tạp. Đây là một trong những căn nguyên khủng hoảng nan giải của các nền kinh tế lớn như: Mỹ, Ấn Độ, Trung Quốc, Nga, Hàn Quốc...

Đánh giá chung phát triển kinh tế thế giới 6 tháng đầu năm 2011, IMF khái quát bằng bốn chữ số "2-4-6-8", nghĩa là tăng trưởng GDP của các nước công nghiệp phát triển là 2,2%, GDP thế giới là 4,2%, tăng trưởng GDP của các nước đang trỗi dậy và đang phát triển là 6,4%, tăng trưởng GDP của các nước mới trỗi dậy ở châu Á là 8,4%. Xu thế này sẽ tiếp tục kéo dài sang năm 2012.

Theo đánh giá của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD), đặc trưng kinh tế các nước G7 là "ba cao, ba thấp". Ba cao là thất nghiệp cao, thâm hụt cao, nợ công cao; ba thấp là tăng trưởng thấp, lãi suất thấp, lạm phát thấp.

"Đầu tàu ị ạch" là đặc trưng kinh tế các nước đang trỗi dậy. Báo cáo công bố ngày 07/06/2011 của WB nhận định, tốc độ tăng trưởng của các thực thể kinh tế đang trỗi dậy từ năm 2011 đến năm 2013 sẽ đạt mức 6,3%, trong đó Ấn Độ vẫn duy trì mức cao từ 8,9% tới 8,2%. Sở dĩ các nước này có mức tăng trưởng cao là do: 1) Tiến trình đô thị

hóa và công nghiệp hóa vẫn đang tiếp tục, tạo đà thúc đẩy toàn bộ nền kinh tế; 2) Tiến trình toàn cầu hóa và khu vực hóa nền kinh tế đang mở rộng, tạo thị trường tiêu thụ cho các nước; 3) Tài sản và vốn tích lũy được ở mức cao, giai cấp trung lưu tăng lên tạo ra thị trường tiêu thụ mới trong nước. Tuy nhiên, vai trò đầu tàu của các nước này bắt đầu chậm lại và đang ị ạch leo dốc. Các thực thể kinh tế năng động nhất là Trung Quốc, Brazil, Ấn Độ cũng đang gặp phải nhiều vấn đề và Nga dường như đã mất đi vai trò đầu tàu trước đây.

Vấn đề nổi lên trong nền kinh tế các nước này là lạm phát và đang có nguy cơ lan rộng, trở thành vấn đề mang tính toàn cầu. Tháng 05/2011, mức lạm phát của Trung Quốc là 5,5%, mức cao kỉ lục trong 34 tháng qua. Ấn Độ và Nga đều lạm phát xấp xỉ 9%, nhiều nước khác lạm phát cao ở mức hai con số... Nguyên nhân chủ yếu là do giá cả các mặt hàng nguyên nhiên liệu trên thế giới tăng cao, nhất là biến động thất thường của giá xăng dầu. Nếu giá xăng dầu thế giới đạt ngưỡng 120 USD/thùng, kinh tế thế giới có thể rơi vào làn suy thoái thứ hai.

Hiện nay, nhiều nước khác như Hàn Quốc, Nga... cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, trong đó đáng quan ngại nhất vẫn là vấn đề lạm phát gia tăng, đời sống người dân khó khăn. Nhiều nước thậm chí còn đang đối mặt với nguy cơ bước vào giai đoạn siêu lạm phát, điều đó sẽ làm giảm nhu cầu tiêu dùng trong nước và làm chậm tốc độ tăng trưởng kinh tế. Các nước và các nhà điều hành kinh tế đều nhất trí cho rằng, hiện nay lạm phát là mối đe dọa lớn nhất đối với nền kinh tế toàn cầu khi mà cuộc khủng hoảng tín dụng vẫn đang ám ảnh. Bên cạnh đó, ở hầu hết các nền kinh tế, tỷ lệ thất nghiệp, nghèo đói có nguy cơ tái phát; vấn đề giá cả lương thực tăng cao, vấn đề môi trường, chiến tranh, xung đột... tiếp tục diễn biến phức tạp. Vì vậy, theo đánh giá của các

⁽¹⁾ Theo Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) tháng 9/2011

chuyên gia kinh tế, nền kinh tế thế giới sẽ phải tiếp tục đối mặt với **5 nguy cơ**:

Một là, các nước công nghiệp phát triển sẽ phải đối mặt với tình trạng tỉ lệ thất nghiệp cao, tái cơ cấu kinh tế và đòn bẩy kinh tế suy yếu trong thời gian dài;

Hai là, Mỹ và EU vẫn duy trì lãi suất thấp và gói kích cầu kinh tế, nên sản sinh ra “tiền nóng” tác động mạnh tới thị trường tiền vốn thế giới, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế lành mạnh của các nước đang phát triển;

Ba là, khủng hoảng nợ công của các nước phát triển, nhất là các nước EU đã làm tăng thêm nguy cơ và rủi ro cho nền kinh tế thế giới;

Bốn là, tình trạng lạm phát cao ở nhiều nước, nhất là các nước đang trỗi dậy và đang phát triển chưa được kiểm chế có hiệu quả;

Năm là, nguy cơ rạn nứt của nền kinh tế Trung Quốc (một thực thể lớn thứ hai thế giới). Vết rạn nứt này cũng bắt đầu từ “bong bóng” thị trường nhà đất và hiện đang là mối lo của nhiều nước trên thế giới⁽¹⁾.

Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới hiện nay, đặc biệt là tình trạng lạm phát ở hàng

loạt các nước trên thế giới, đã và đang ảnh hưởng đến tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng ở mỗi nước khác nhau tùy thuộc vào sự ổn định của nền kinh tế và khả năng ứng phó của mỗi nước.

2. Vấn đề chống lạm phát ở Việt Nam

Sau những thành tựu vượt bậc đã đạt được kể từ khi tiến hành công cuộc đổi mới (năm 1986) đến những năm 1994-1995, kinh tế Việt Nam bước vào cuộc khủng hoảng đầu tiên sau 10 năm đổi mới. Nguyên nhân chính là do lực đẩy đầu tiên của đổi mới đã làm xong nhiệm vụ của nó, kinh tế bắt đầu có những mất cân đối mới, đầu tư kém hiệu quả, tăng trưởng và xuất khẩu đều giảm, lạm phát tăng cao. Tiếp đó, cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ năm 1997 ở châu Á cũng tác động mạnh mẽ đến kinh tế nước ta, đồng thời khiến chỉ số lạm phát ở nước ta gia tăng.

Kinh tế nước ta bước vào cuộc khủng hoảng lớn lần thứ 2 năm 2007: lạm phát nhảy vọt lên 12,6%, trong khi đó tốc độ tăng trưởng của năm là 8%; năm 2008 lạm phát bùng lên 19,89% (22,8% theo WB và IMF), trong khi đó tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,2%, (IMF và EU đánh giá kinh tế Việt Nam năm 2008 lạm phát là 22,87%, tăng trưởng GDP là 6,23%). Năm 2009 lạm phát 6,88% và tăng trưởng GDP đạt 5,32%⁽²⁾.

Theo số liệu thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của Việt Nam tháng 07/2011 đã tăng 1,17% so với tháng trước, mức tăng cao nhất của tháng 7 trong 15 năm gần đây. Với mức tăng này, lạm phát tính theo năm của Việt Nam đã lên đến 22,16%, cao thứ hai trên thế giới sau Venezuela⁽³⁾.

Chỉ số ICOR (*Incremental Capital - Output Rate*) thời kỳ 2000-2006 của nước ta là 5,0. Một số chuyên gia đánh giá chỉ số ICOR của Việt Nam năm 2008 cho toàn bộ

Năm	Tăng trưởng GDP	Tỷ lệ lạm phát	Chỉ số ICOR (lần)
2006	8,17%	7,7%	5,0
2007	8,48%	12,6%	5,2
2008	6,23%	19,89% (22,87%) ^(*)	6,9
2009	5,32%	6,88%	8

Nguồn: Thông báo của Tổng cục Thống kê cuối tháng 12/2009

^(*) Theo WB và IMF

⁽¹⁾ Nguồn: <http://www.saga.vn>, *Nền kinh tế thế giới 6 tháng cuối năm 2011*

⁽²⁾ Nguồn: Tổng cục Thống kê và Bộ Kế hoạch và Đầu tư năm 2010

⁽³⁾ Đinh Tuấn Minh, *Bài học chống lạm phát*, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, tháng 08/2011

nền kinh tế nếu tính đủ là <7 , riêng cho khu vực nhà nước là <8 hoặc 2 con số, trong khi đó của khu vực tư nhân là 3,2 và khu vực FDI là 5,2.

Ở các nước trong khu vực Đông Nam Á và Trung Quốc, chỉ số ICOR của nhiều thập kỷ gần đây phổ biến là 3 hoặc >3 , nghĩa là, chỉ số ICOR của nước ta cao gấp rưỡi hoặc gấp đôi so với những nước này. Theo WB, từ tháng 12/2007 đến tháng 06/2008, tài sản thị trường chứng khoán Việt Nam giảm mất 17 tỷ USD – nghĩa là mất một nửa giá trị; lạm phát trong 8 tháng đầu năm 2008 của Việt Nam là 28,3%.

Xét về nguyên nhân khách quan, kinh tế Mỹ và kinh tế thế giới xấu đi, đồng USD mất giá, lạm phát gia tăng đã tác động đến hàng loạt nước châu Á, chứ không riêng Việt Nam với nền kinh tế nhỏ bé, ở trình độ thấp, phụ thuộc bên ngoài nhiều. Bên cạnh đó, thời tiết, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và cung ứng lương thực thực phẩm trong nước. (Tuy nhiên, về mặt nào đó, cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới làm cho giá đầu vào rẻ, nên cũng giúp cho kinh tế trong nước bớt căng thẳng, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu của nước ta vẫn tiếp tục giữ được tăng trưởng về khối lượng và nhìn chung kim ngạch xuất khẩu vẫn tăng trong năm 2008 và 2009).

Xét về nguyên nhân chủ quan, quan trọng nhất vẫn là những điểm yếu của nền kinh tế. Đó là bất ổn vĩ mô tiềm ẩn, năng suất, chất lượng, hiệu quả nền kinh tế còn thấp, cơ cấu kinh tế chậm chuyển đổi, mô hình tăng trưởng còn thiên về chiều rộng, phụ thuộc lớn vào nguyên liệu nhập khẩu... Có thể thấy, các yếu tố lạm phát ở nước ta đã được tích tụ nhiều năm, thể hiện ở **3 vấn đề chủ yếu**:

Thứ nhất, cơ cấu kinh tế đang bộc lộ những vấn đề không hợp lý với những biểu hiện cụ thể như: đầu tư dàn trải, tăng trưởng với hệ số ICOR ngày càng cao, lạm phát

vượt xa mức tăng trưởng. Do đó, vốn đầu tư được sử dụng ngày càng nhiều nhưng hiệu quả kinh tế thu được có tỷ lệ ngày càng thấp. Nếu kéo dài tình trạng này sẽ làm kiệt sức nền kinh tế. Bên cạnh đó, một lượng tiền lớn được tung ra lưu thông nhưng hàng hóa sản xuất ra không tương xứng, quan hệ cung - cầu, hàng - tiền bị phá vỡ. Nhập siêu liên tục tăng với số lớn làm cho cán cân thương mại, cán cân thanh toán ngày càng thâm hụt. Đây là nguyên nhân “sốc” gây ra lạm phát.

Thứ hai, về chính sách tài khóa, trong vòng 10 năm liên tục, chúng ta bội chi ngân sách so với GDP ở mức cao (5%), năm 2007 là 5,8% cộng với tình trạng thất thu ngân sách không được giải quyết triệt để và chi hành chính không được kiểm soát chặt chẽ, gây lãng phí, thất thoát. Đây cũng là một kênh gây áp lực lạm phát quan trọng.

Thứ ba, chính sách tiền tệ mà biểu hiện cụ thể là chính sách tín dụng, quản lý ngoại hối và thực hiện các công cụ của nghiệp vụ thị trường mở còn nhiều bất cập... Tất cả những hạn chế này không những làm cho một số giải pháp chống lạm phát đúng đắn không được triển khai có kết quả mà còn gây ra tình trạng lạm phát được khắc phục chậm, thậm chí có lĩnh vực còn làm cho lạm phát tăng lên.

Từ những nguyên nhân cơ bản của lạm phát ở nước ta thời gian qua cho thấy, để kiềm chế lạm phát hay còn gọi là giảm lạm phát ở mức thấp, Chính phủ cần xem xét lại các phương pháp tiếp cận mới về chống lạm phát.

Bản chất của lạm phát là cung tiền vượt quá lượng tiền cần thiết lưu thông trong nền kinh tế. Xét đến cùng, đó là do Nhà nước đã “bơm” nhiều tiền vào nền kinh tế với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất đáng có của nền kinh tế. Lượng tiền thừa với lãi suất thấp này ban đầu chưa phản ánh ngay vào mức tăng giá cả, do kỳ vọng giá cả của các thành viên

tham gia thị trường vẫn chưa thay đổi. Tuy nhiên, theo thời gian, một số khu vực của nền kinh tế sẽ phát hiện ra sự dư thừa này và bắt đầu tăng giá. Nếu tốc độ tăng trưởng cung tiền tiếp tục được duy trì trong một thời gian đủ dài thì sự tăng giá sẽ lan ra toàn bộ nền kinh tế, tạo ra hiện tượng lạm phát giá cả.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng cung tiền và lạm phát của Việt Nam cho thấy, Việt Nam đã phần nào lạm dụng việc phát hành tiền để hỗ trợ tăng trưởng trong một thời gian dài. Trong các năm từ 2002-2006, việc tăng cung tiền không dẫn đến giá cả tăng cao, khiến cho tốc độ tăng cung tiền ngày một lớn, từ mức trung bình khoảng 20% trong các năm 2002-2003, lên 25% năm 2004-2005, rồi 35% trong năm 2006 và năm 2007 đã vượt mức 40%. Từ năm 2007, lạm phát bắt đầu tăng tốc, Chính phủ đã ba lần thực hiện chính sách thắt chặt và rồi hai lần phải mở rộng cung tiền tệ để hỗ trợ tăng trưởng. Điều này cho thấy, một khi lạm phát xảy ra, việc tìm ra cách thức điều chỉnh cũng như kiềm chế lạm phát là rất khó.

Theo các chuyên gia kinh tế học, có hai cách tiếp cận trong việc chống lạm phát. Cách thứ nhất là giảm từ từ (gradualist therapy) và cách thứ hai là giảm ngay tức thì (shock therapy). *Biện pháp giảm từ từ* đòi hỏi chính phủ phải theo đuổi một chính sách tuần tự nhất quán (policies in sequence) trong nhiều năm. Một mặt phải giảm từ từ cung tiền, mặt khác phải dần thay đổi cơ cấu kinh tế để nền kinh tế vận hành hiệu quả hơn, sao cho với tốc độ tăng cung tiền thấp hơn, nền kinh tế vẫn có thể tăng trưởng ở mức tương đương so với mức tăng trưởng cung tiền cao trước đây. Tuy đây là giải pháp tốt nhưng lại không dễ dàng cho các chính phủ, do rất khó có thể duy trì được sự ủng hộ, đồng thuận của các nhóm lợi ích trong một thời gian dài, xuyên suốt quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế. Chính sách thắt chặt tiền tệ đầu năm 2008 và đầu năm 2010 đã phản

ánh thực tế này. Khi mới tiến hành có vẻ dễ dàng, nhưng sức ép từ các nhóm lợi ích trong nền kinh tế và sức ép tăng trưởng đã dẫn đến sự nới lỏng chính sách tiền tệ vào nửa cuối các năm sau đó. Kết cục, lạm phát chưa kịp hạ thì đã tăng tốc trở lại.

Biện pháp giảm cung tiền ngay tức thì, đồng thời tiến hành giải phẫu “đau đớn” cơ cấu nền kinh tế thường được thực hiện khi chính phủ đủ mạnh (và ý thức được, nếu kéo dài thì sức mạnh cải cách của chính phủ sẽ giảm đi), chủ động thực hiện các biện pháp cải cách triệt để hoặc do có sự can thiệp từ bên ngoài khi quốc gia đứng trước nguy cơ vỡ nợ. Giải pháp này đòi hỏi nhà nước phải thu nhỏ quyền lực của mình đối với nền kinh tế. Cụ thể, chính phủ cần thả nổi theo giá thị trường hầu hết các lĩnh vực đang kiểm soát giá để đảm bảo nền kinh tế thị trường vận hành thông suốt; tiến hành tư nhân hóa mạnh mẽ hệ thống doanh nghiệp nhà nước (DNNN) để nâng cao năng suất lao động và đồng thời cắt giảm mạnh bộ máy chính phủ. Việc tinh giản bộ máy chính phủ sẽ giúp cho các khoản chi thường xuyên từ ngân sách giảm, nhờ đó có thể giảm được các khoản thu từ thuế và phí.

Từ thực tế cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và diễn biến lạm phát ở Việt Nam thời gian qua, có thể rút ra ***một số vấn đề cho việc chống lạm phát*** hiện nay:

Việt Nam đã từng theo đuổi liệu pháp sốc để chống lạm phát phi mã những năm 1989-1991. Trong giai đoạn này, Chính phủ đã thực hiện một loạt các biện pháp, như: giải phóng sức sản xuất thông qua Khoán 10 và các biện pháp cho phép tư nhân, tiểu thương kinh doanh buôn bán; xóa bỏ chế độ hai giá đối với hầu hết các mặt hàng; chấm dứt bao cấp đối với hầu hết các DNNN hoạt động không hiệu quả... Những giải pháp mạnh mẽ này giúp Việt Nam kiềm chế được tốc độ tăng CPI dưới hai con số và đạt mức tăng trưởng cao trong nhiều năm liền sau đó.

Hiện nay, để duy trì mức lạm phát thấp trong khi vẫn đảm bảo nền kinh tế tăng trưởng cao, Chính phủ cần xem lại các bài học trên. Cụ thể, Chính phủ nên nhanh chóng xây dựng thị trường cho các lĩnh vực như: điện, xăng dầu, giáo dục, y tế và văn hóa; tiếp tục giải phóng sức sản xuất cho khu vực kinh tế tư nhân và cải tổ DNNN triệt để hơn nữa; xem lại chính sách về sở hữu đất đai để tạo ra một “Khoản 10” mới cho khu vực nông thôn; giảm chi tiêu nhà nước cho các khu vực không tạo ra năng suất như tinh giản biên chế bộ máy hành chính.

Các biện pháp tinh giản bộ máy hành chính nên được tiến hành sao cho chi thường xuyên quay trở về mức 15 - 16% GDP như các năm 2000 - 2002 thay vì xấp xỉ 22% như hiện nay. Nhờ đó, các khoản thu thường xuyên từ thuế và phí từ khu vực sản xuất có thể cắt giảm về mức dưới 20% như hầu hết các quốc gia trong khu vực. Điều quan trọng nữa là sau khi đã kiểm soát lạm phát thành công, Chính phủ và Quốc hội cần xây dựng các công cụ chính sách tiền tệ và tài khóa hiện đại, hình thành cơ chế giám sát và phòng ngừa không để lạm phát tăng quá 5%. Thường khi suy thoái kinh tế toàn cầu thì giá cả hàng hóa cơ bản sẽ giảm, IMF cũng dự báo như vậy. Việc kiểm soát lạm phát ở Việt Nam thời gian tới sẽ thuận lợi hơn.

Lạm phát ở Việt Nam thường chịu ảnh hưởng từ cả hai bên: phí đẩy và cầu kéo. Cần thực hiện các biện pháp kiểm soát: thắt chặt tiền tệ, tài khóa, hạn chế tổng phương tiện thanh toán ra lưu thông, giảm được tổng cầu. Bên phí đẩy, chúng ta chịu tác động chủ yếu bởi các cú sốc bên ngoài và tất

nhiên, cũng chịu thêm một phần từ chính sách lãi suất. Trường hợp này, khi giá cả hàng hóa cơ bản giảm thì xác suất chịu tác động xấu từ cú sốc giá cả bên ngoài sẽ nhỏ hơn. Trong điều kiện giá cả giảm như vậy, chúng ta vẫn thực hiện một chính sách thắt chặt tài khóa, chính sách tiền tệ chặt chẽ nhưng linh hoạt hơn, khu vực tư nhân tiếp cận tín dụng tốt hơn, lãi suất giảm... chúng ta có thuận lợi nhất định để giảm lạm phát và duy trì ổn định kinh tế vĩ mô dù kinh tế thế giới suy giảm.

Trong thời gian qua, Chính phủ đã cân nhắc lại các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô mà Việt Nam đang theo đuổi như kiểm chế mức lạm phát năm 2011 khoảng 18%, tiến tới năm 2012 đưa lạm phát xuống một con số, GDP sẽ duy trì 6%. Kiểm soát tăng trưởng dư nợ tín dụng dưới 20% của năm 2011. Tổng phương tiện thanh toán dưới 15%. Đồng thời, Việt Nam cũng khẳng định thực hiện tốt hơn, hiệu quả hơn mục tiêu, định hướng đặt ra ở Nghị quyết số 11⁽¹⁾ là ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, không dao động mục tiêu này, không chạy theo tốc độ tăng trưởng, mà xem tăng trưởng tốc độ GDP là một nội dung để ổn định kinh tế vĩ mô⁽²⁾.

Trước đó, ngày 17/04/2008, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 10/2008/NQ-CP về các biện pháp kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội và tăng trưởng bền vững, bao gồm **8 giải pháp** cụ thể:

Một là, thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ;

Hai là, kiểm soát chặt chẽ, nâng cao hiệu quả chi tiêu công;

Ba là, tập trung sức phát triển sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ, bảo đảm cân đối cung cầu về hàng hóa;

Bốn là, đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ nhập khẩu, giảm nhập siêu;

Năm là, triệt để thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng;

⁽¹⁾ Nghị quyết số 11 của Chính phủ về *những giải pháp chủ yếu tập trung kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội*, ban hành ngày 24/02/2011

⁽²⁾ www.chinhphu.vn, Thủ tướng: Kiểm soát lạm phát ở mức 18%

Sáu là, tăng cường công tác quản lý thị trường chống đầu cơ buôn lậu và gian lận thương mại, kiểm soát việc chấp hành pháp luật nhà nước về giá...;

Bảy là, tăng cường các biện pháp hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất của nhân dân, mở rộng việc thực hiện các chính sách về an sinh xã hội;

Tám là, đẩy mạnh công tác thông tin và tuyên truyền.

Song song với các giải pháp trên, Chính phủ sẽ chỉ đạo tái cơ cấu nền kinh tế, trong đó quan tâm đến tái cơ cấu vốn đầu tư, giảm đầu tư xã hội để giảm tổng cầu, giảm lạm phát, tăng hiệu quả và minh bạch đầu tư công; tránh sự bị động trong điều hành chính sách tiền tệ, sự chủ quan trong điều hành giá cả, cũng như sự phối hợp chưa thực sự đồng bộ giữa chính sách tiền tệ và tài khóa...

Trên thực tế, sau khi chỉ số giá tiêu dùng đầu năm 2010 diễn biến không thuận lợi, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 18/NQ-CP với mục tiêu là đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô, không để lạm phát cao và đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế khoảng 6,5% trong năm 2010. Đây là sự chuyển hướng chính sách rất rõ ràng, kịp thời, khác với mục tiêu tăng trưởng đề ra tại Nghị quyết số 03/NQ-CP ban hành từ đầu năm. Điều đó đã cho thấy sự nhạy bén, linh hoạt của Chính phủ. Ổn định kinh tế vĩ mô lại một lần nữa được đặt lên hàng đầu.

Chính phủ đã thấy rõ vấn đề này và có những quyết sách đúng hướng, tập trung vào năm khu vực then chốt nhất, cấp bách



Tp. Hồ Chí Minh triển khai nhiều giải pháp kiềm chế lạm phát

Ảnh ST

nhất hiện nay, đó là: áp dụng đồng bộ các biện pháp cả về cơ chế chính sách, tín dụng nhằm ổn định thị trường bất động sản, vốn có nguy cơ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hệ thống ngân hàng; các biện pháp vực dậy thị trường chứng khoán, củng cố lòng tin của công chúng và các nhà đầu tư vào khả năng giải quyết các vấn đề tài chính của Chính phủ theo nguyên tắc thị trường; củng cố và tăng cường tính thanh khoản của các ngân hàng thương mại; giảm bớt sức ép chi phí sản xuất vốn đang rất căng thẳng của các doanh nghiệp, bao gồm kiểm soát giá đầu vào, giá độc quyền, từng bước giảm lãi suất cho vay theo đà giảm lạm phát, đẩy mạnh mua ngoại tệ cho doanh nghiệp xuất khẩu và các nhà đầu tư nước ngoài; có chính sách cụ thể kể cả chính sách tín dụng nhằm phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, tăng cung về lương thực, thực phẩm và hàng tiêu dùng thiết yếu, tiến tới ổn định giá cả các mặt hàng này, coi đây là mục tiêu quan trọng nhất của tiến trình chống lạm phát. □